

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Đôn	Thi	3475050031	24/01/1992	,00			Nợ HP
2	Lê Mạnh	Cường	3575031480	25/04/1993	,00			Nợ HP
3	Trần Thanh	Vinh	3575031716	11/06/1993	,00			Nợ HP
4	Nguyễn Võ Nhật	Nam	3771020614	26/08/1992	,00			
5	Trương Ngọc	Toàn	3771020619	09/07/1995	,00			
6	Phạm Quốc	Việt	3771020622	08/06/1994	5,00	,30	1,70	
7	Hồ Tấn	Vinh	3771020623	14/01/1995	2,00	7,50	5,90	
8	Nguyễn Thế	Phong	3771020624	02/02/1995	3,00	2,30	2,50	
9	Nguyễn Văn	Thức	3771020626	12/04/1994	1,00	1,30	1,20	
10	Hồ Công	Khanh	3771020628	05/03/1995	5,00	,00	1,50	
11	Nguyễn Trần Thành	Nguyên	3771020629	31/07/1995	,00			
12	Nguyễn Cao	Đắc	3771020630	01/01/1994	6,00	4,50	5,00	
13	Nguyễn Khắc	Hùng	3771020633	20/02/1995	5,50	5,00	5,20	
14	Trần Quốc	Cường	3771020634	16/02/1995	4,00	2,30	2,80	
15	Đặng Văn	Mẫu	3771020637	10/02/1992	2,30	6,00	4,90	
16	Bùi Bảo	Sơn	3771020638	08/05/1994	5,30	2,30	3,20	
17	Tăng Thanh	Quân	3771020640	02/08/1994	2,00	5,80	4,70	
18	Huỳnh Công	Danh	3771020647	02/04/1995	1,30			
19	Nguyễn Hoàng	Hạc	3771020649	27/07/1993	5,30	2,00	3,00	
20	Nguyễn Ngọc	Tài	3771020650	01/02/1995	,00			
21	Đậu Đình	Huỳnh	3771020656	12/12/1995	2,30	,30	,90	
22	Hoàng Văn	Sơn	3771020663	06/07/1994	4,00	1,30	2,10	
23	Nguyễn Văn	Nam	3771020664	08/05/1994	5,00	,80	2,10	
24	Mai Thiêu	Huy	3771020665	04/03/1992	1,00	,30	,50	
25	Nguyễn Đức	Phúc	3771020669	30/09/1990	7,30	7,80	7,70	
26	Lê Xuân	Nguyên	3771020670	13/04/1995	5,00	2,50	3,30	
27	Nguyễn Quang	Thống	3771020671	27/09/1995	5,00	2,80	3,50	
28	Nguyễn Trọng	Kha	3771020674	05/01/1995	4,50	1,50	2,40	
29	Phạm Văn	Công	3771020675	13/03/1995	1,00	,30	,50	
30	Đoàn Văn	Hiếu	3771020681	06/01/1994	4,00	5,50	5,10	
31	Huỳnh Anh	Vũ	3771020682	23/03/1994	3,30	7,50	6,20	
32	Võ Thành	Mỹ	3771020686	20/02/1994	,00			
33	Nguyễn Thanh	Tân	3771020687	28/10/1994	6,50	3,30	4,30	
34	Trương Minh	Tâm	3771020689	10/05/1995	,00			
35	Võ Minh	Quân	3771020693	01/04/1994	4,50	2,80	3,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Tài	3771020695	12/02/1993	4,00			
37	Bà Quốc	Khánh	3771021086	02/09/1993	5,00	,30	1,70	
38	Trần Văn	Thịnh	3771021150	01/03/1995	2,30	5,80	4,80	
39	Võ Văn	Nam	3771021189	14/10/1995	1,80	1,80	1,80	
40	Đỗ Hiệp	Phát	3771021201	28/10/1995	5,30	6,50	6,10	
41	Phan Thanh	Phong	3771021205	29/12/1994	5,00	5,30	5,20	
42	Nguyễn Ngọc	Trình	3771021233	10/02/1995	5,30	5,00	5,10	
43	Nguyễn Đức	Tiền	3771021245	02/02/1995	5,30	3,50	4,00	
44	Đặng Xuân	Hiệp	3771021252	19/01/1995	5,30	,50	1,90	
45	Lê Văn	Thảo	3771021274	17/02/1992	5,30	2,80	3,60	
46	Nguyễn Thanh	Xuân	3771021285	18/04/1995	,00			
47	Lê Duy	Linh	3771021316	01/06/1995	5,00	5,00	5,00	
48	Võ Duy	Thanh	3771021323	17/03/1995	2,00	2,80	2,60	
49	Võ Thanh	Ngọc	3771021343	15/10/1995	,00	,50	,40	
50	Lê Văn	Son	3771021354	20/09/1994	2,00	,50	1,00	
51	Nguyễn Văn	Bình	3771021355	02/06/1990	2,50	,00	,80	
52	Trần Văn	Vũ	3771021397	07/04/1995	5,30	,50	1,90	
53	Nguyễn Ngọc	Linh	3771021415	13/05/1995	1,50	2,50	2,20	
54	Trần Quang	Bảo	3771050401	25/05/1994	4,30	3,50	3,70	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)